

Gò Dầu, ngày 24 tháng 6 năm 2024

**PHỤ LỤC DANH MỤC VẬT TƯ Y TẾ, SINH PHẨM, HÓA CHẤT XÉT NGHIỆM**

(Kèm theo thông báo yêu cầu báo giá số: 706 /TTYT-GD ngày 24 tháng 6 năm 2024 của Trung tâm Y tế huyện Gò Dầu)

STT	TÊN HÀNG HÓA	YÊU CẦU KỸ THUẬT TỐI THIỂU	QUY CÁCH	ĐƠN VỊ TÍNH	SỐ LƯỢNG
<b>LÔ 1: BÔNG BĂNG GẠC- CHỈ PHẪU THUẬT- BƠM KIM TIÊM</b>					
1	Băng cuộn vải 9cm x 2m	Chất liệu sợi cotton 100% màu trắng không hồ, không sử dụng chất nhuộm màu, không mùi vị, không lẫn tạp chất, không dính xơ bụi bẩn. Quy cách 2.5cm x 5m		cuộn	3,000
2	Băng keo lụa 2,5cm x 5m	Vải lụa trắng Acetate Taffeta, thông thoáng, . Phù keo Acrylic . Băng quấn vào lõi nhựa xanh, bờ răng cưa để dễ bóc ngang dọc		cuộn	10,000
3	Gạc băng bột thương 10x20 cm	Thành phần: lớp ngoài là gạc được dệt 100% cotton/ vải không dệt thấm nước, lớp giữa được làm từ bông y tế 100% bông xơ tự nhiên. Kích thước: 10cm x 20cm. Được tiệt trùng bằng khí EO.		miếng	20,000
4	Gạc băng vết thương 8x10 cm	Thành phần: lớp ngoài là gạc được dệt 100% cotton/ vải không dệt thấm nước, lớp giữa được làm từ bông y tế 100% bông xơ tự nhiên. Kích thước: 8cmx10 cm. Được tiệt trùng bằng khí EO.		miếng	10,000
5	Gạc phẫu thuật 10 cmx 10cm x 8 lớp	Gạc y tế 10cm x 10cm x 8 lớp được dệt từ sợi cotton 100%. Sợi chắc, mịn. Không mùi; Không tạp chất. Tiệt trùng.		miếng	5,000
6	Gạc phẫu thuật ở bụng 30cmx40cmx 6 lớp	Gạc y tế được dệt từ sợi cotton 100%. Kích thước: 30cm x 40cm x 6 lớp, cân quang. Tiệt trùng		miếng	8,000
7	Gạc dẫn lưu 2cm x30cm x6 lớp	Gạc y tế được dệt từ sợi cotton 100%. Kích thước: 2cm x30cm x6 lớp, cân quang. Tiệt trùng		miếng	100
8	Bông y tế thấm nước	Bông y tế 1000g Bông hút nước y tế 100% bông xơ thiên nhiên, loại tạp, loại mở, không hóa chất tẩy trắng, trắng, mịn nhưng không toí, rất thấm hút tốt		kg	720
9	Bông y tế không thấm nước	Bông không hút nước được hình thành từ tập hợp các sợi trong quả bông, không loại mở, xốp - nguyên liệu 100% sợi Bông xơ tự nhiên.		kg	36
10	Chỉ Chromic catgut 1-0 + kim tròn (C40A36)	Chỉ tan chậm tự nhiên chromic catgut số 0, dài 75 cm, kim tròn 1/2c, dài 36 mm. Kim thép 302 phủ silicon XtraCoat, mũi kim UltraGlyde. Chỉ làm từ collagen tinh khiết, sợi chắc, mềm dễ uốn. Đóng gói bằng giấy tiệt trùng 80gsm (100 micron) độ bền cao, ngăn khuẩn hiệu quảXtraCoat.		tép	2,000
11	Chỉ Chromic catgut 2-0 + kim tròn(C30A30)	Chỉ tan chậm tự nhiên chromic catgut số 2/0, dài 75 cm, kim tròn 1/2c, dài 30 mm. Kim thép 302 phủ silicon XtraCoat, mũi kim UltraGlyde. Chỉ làm từ collagen tinh khiết, sợi chắc, mềm dễ uốn. Đóng gói bằng giấy tiệt trùng 80gsm (100 micron) độ bền cao, ngăn khuẩn hiệu quảXtraCoat		tép	3,000
12	Chỉ Vicryl 2-0 kim tròn 40mm	Chỉ tan nhanh tổng hợp đa sợi polyglactin 910 số 2/0, dài 90 cm, kim tròn đầu cắt 1/2c, dài 36 mm. Kim thép 302 phủ silicon XtraCoat theo tiêu chuẩn FDA		tép	240
13	Chỉ nylon + kim tám giác 5-0 (M10E16)	Chỉ không tan tổng hợp Nylon/Polyamide số 5/0, dài 75 cm, kim tám giác 3/8c, dài 16 mm. Kim thép 302 phủ silicon XtraCoat, mũi kim UltraGlyde. Đóng gói bằng giấy tiệt trùng 80gsm (100 micron) độ bền cao, ngăn khuẩn hiệu quả, mũi vuốt nhọn UltraGlyde		tép	360



**YÊU CẦU KỸ THUẬT TỐI THIỂU**

STT	TÊN HÀNG HÓA	QUY CÁCH	ĐƠN VỊ TÍNH	SỐ LƯỢNG
14	Chỉ nylon + kim tam giác 2-0 (M30E26)	Chỉ không tan tổng hợp Nylon/Polyamide số 2/0, dài 75 cm, kim tam giác 3/8c, dài 26 mm. Kim thép 302 phủ silicon XtraCoat, mũi kim UltraGlyde. Đóng gói bằng giấy tiết trùng 80gsm (100 micron) độ bền cao, ngăn khuẩn hiệu quả, mũi vuốt nhọn UltraGlyde	tép	1,200
15	Chỉ nylon + kim tam giác 3-0 (M20E20)	Chỉ không tan tổng hợp Nylon/Polyamide số 3/0, dài 75 cm, kim tam giác 3/8c, dài 20 mm. Kim thép 302 phủ silicon XtraCoat, mũi kim UltraGlyde. Đóng gói bằng giấy tiết trùng 80gsm (100 micron) độ bền cao, ngăn khuẩn hiệu quả, mũi vuốt nhọn UltraGlyde	tép	6,400
16	Chỉ nylon + kim tam giác 4-0 (M15E19)	Chỉ không tan tổng hợp Nylon/Polyamide số 4/0, dài 75 cm, kim tam giác 3/8c, dài 19 mm. Kim thép 302 phủ silicon XtraCoat, mũi kim UltraGlyde. Đóng gói bằng giấy tiết trùng 80gsm (100 micron) độ bền cao, ngăn khuẩn hiệu quả, mũi vuốt nhọn UltraGlyde	tép	1,200
17	Chỉ không tan tự nhiên đa sợi, phù sáp số 2/0, dài 75 cm, kim tròn 1/2C, dài 26mm	Chỉ không tan tự nhiên silk số 2/0, dài 75 cm, kim tròn 1/2c, dài 26 mm. Kim thép 302 phủ silicon XtraCoat, mũi kim UltraGlyde. Đóng gói bằng giấy tiết trùng 80gsm (100 micron) độ bền cao, ngăn khuẩn hiệu quả	tép	120
18	Chỉ Ethibond excel sutu pak số 1 180cm	Chỉ không tan tổng hợp đa sợi bền polyester số 1, dài 75 cm, kim tròn 1/2c, dài 40 mm. Kim thép 302 phủ silicon XtraCoat, mũi kim UltraGlyde. Đóng gói bằng giấy tiết trùng 80gsm (100 micron) độ bền cao, ngăn khuẩn hiệu quả	tép	100
19	Bơm tiêm 1ml	Bơm tiêm vô trùng sử dụng một lần 1 ml/cc, kim 26G x 1/2. Bơm tiêm được làm bằng nhựa PP dùng trong y tế, không có chất DEHP.	cái	5,000
20	Bơm tiêm 3ml	Bơm tiêm 3ml, kim 23G, 25G	cái	150,000
21	Bơm tiêm 5ml	Bơm tiêm được làm bằng nhựa PP dùng trong y tế, không có chất DEHP.	cái	100,000
22	Bơm tiêm 10ml	Bơm tiêm 5ml, kim 23G, 25G	cái	30,000
23	Bơm tiêm 20ml	Bơm tiêm được làm bằng nhựa PP dùng trong y tế, không có chất DEHP	cái	5,000
24	Bơm tiêm 50ml cho ăn	Bơm tiêm được làm bằng nhựa PP dùng trong y tế, không có chất DEHP. 50ml	cái	100
25	Bơm tiêm tự động 50ml	Bơm tiêm làm từ vật liệu Polypropylene và chất làm trơn từ cao su tổng hợp, Máu trong suốt, Thể tích: 50ml, Đường kính bơm: 30.91 mm, Vạch chia màu đen, giúp dễ đọc, Đầu khóa Luer-lock, Không kim, Dùng cho máy bơm tiêm điện, Không chứa Pyrogen, không cao su (latex), không DEHP, không chứa PVC và không độc hại	cái	500
26	Dây nối bơm tiêm tự động	Chất liệu nhựa y tế trong suốt, dễ dàng theo dõi dòng chảy dịch truyền. Chịu được áp lực dùng trong máy bơm tiêm điện. Kích thước: 140cm.	ống	500
27	Kim cánh bướm	Kim cánh bướm 23G, 25G	sợi	200
28	Kim luồn số 20	Chất liệu nhựa PVC nguyên sinh, mềm dẻo, độ đàn hồi cao. Kim được sản xuất từ thép không gỉ, sắc nhọn vát 3 cạnh. gồm các chi tiết: kim truyền, dây dẫn, đầu nối dây dẫn, nắp đẩy đầu nối, nắp chụp kim, cánh bướm. Dây dẫn dài 30cm	cây	100



**YÊU CẦU KỸ THUẬT TỐI THIỂU**

STT	TÊN HÀNG HÓA	YÊU CẦU KỸ THUẬT TỐI THIỂU	QUY CÁCH	ĐƠN VỊ TÍNH	SỐ LƯỢNG
29	Kim luồn số 22	Dùng để truyền thuốc, dịch qua đường tĩnh mạch bệnh nhân. Kích thước: 0.90 x 25mm, Tốc độ dòng chảy: 36 ml/phút, có Luer - lock. Đường kính lớn cho tốc độ dòng chảy tang và giảm sản vò lại; Kim có lớp Silicimized cho sự thâm nhập mô dễ dàng; Buồng thông trong suốt để dàng nhìn thấy dòng máu; Dùng một lần, vô trùng và không gây sót. Có cánh, có công		cây	11,500
30	Kim luồn số 24	Dùng để truyền thuốc, dịch qua đường tĩnh mạch bệnh nhân. Kích thước: 0.7x19mm, Tốc độ dòng chảy: 15 ml/phút, có Luer - lock. Đường kính lớn cho tốc độ dòng chảy tang và giảm sản vò lại; Kim có lớp Silicimized cho sự thâm nhập mô dễ dàng; Buồng thông trong suốt để dàng nhìn thấy dòng máu; Dùng một lần, vô trùng và không gây sót. Có cánh, có công		cây	500
31	Kim rút thuốc	Dùng để lấy thuốc, các cỡ 18G, 20G, 21G, 22G, 23G, 24G, 25G, 26G Không chứa độc tố DEHP, tiết trùng từng cái		cây	13,300
32	Kim gây tê tùy sống 27G	Sử dụng trong việc gây mê cột sống. Trung tâm cung cấp nhanh chóng của các dịch tùy giúp lấy lại ý thức. Tối ưu cho ống dò có kích thước ngắn chặn mô lấy mẫu và gây nên tác nghẽn của kim. Thiết kế gác kim sẽ giảm đáng kể nguy cơ bài mòn màng cứng thủng, gây nên triệu chứng nhưc đầu. Kích thước: 18 cm, 20cm, 22cm, 25cm, 27cm, 29cm.		cây	250
33	Kim nha ngắn	Kim được làm từ vật liệu cao cấp, an toàn khi sử dụng, Mặt kim vát và sắc bén giảm thiểu chấn thương, hạn chế gây đau đớn khó chịu cho bệnh nhân. Kim 27G x 0.4 – 21mm (kim ngắn)		cây	3,000
<b>LÒ 2: GĂNG TAY - HÓA CHẤT SẮT KHUẨN - VẬT TƯ Y TẾ KHÁC</b>					
1	Găng tay vô trùng	Găng tay phẫu thuật, các số Chiều dài 280mm ± 5. Chiều rộng: số 6.5 (83mm ± 5), 7.0 (89mm ± 5), 7.5 (95mm ± 5, Có phủ bột chống dính. Chiều dài : 240±5mm chống dính. Chế tạo từ latex cao su tự nhiên. Tiết trùng		đôi	20,000
2	Găng tay y tế các số	Sản xuất từ cao su (latex) thiên nhiên, mềm mại, độ bền cao. Có phủ bột chống dính. Chiều dài : 240±5mm Găng sản khoa (găng khám sản) chưa tiết trùng dài 500 mm sản xuất từ latex cao su thiên nhiên phủ bột chống dính, sử dụng một lần.		đôi	200,000
3	Găng tay sản tiết trùng	Thần kim được chế tạo bằng sợi thép y tế không gỉ loại 06 Cr19Ni10 ( SUS 304). Kích thước: 0,30*75cm Cán kim được cuốn bằng sợi thép y tế không gỉ, theo tiêu chuẩn FDA các vòng quấn tròn đều và khít, không có khoảng cách		đôi	500
4	Kim châm cứu 11,6 cm	Quy cách: vi giấy, vi nhựa PE/PP bao phim từng cây 5 cái/vi, 20 vi/hộp. Thần kim được chế tạo bằng sợi thép y tế không gỉ loại 06 Cr19Ni10 ( SUS 304). Kích thước 0,30*25cm Cán kim được cuốn bằng sợi thép y tế không gỉ, theo tiêu chuẩn FDA các vòng quấn tròn đều và khít, không có khoảng cách		cây	10,000
5	Kim châm cứu 4,5cm	Quy cách: vi giấy, vi nhựa PE/PP bao phim từng cây 5 cái/vi, 20 vi/hộp. Thần kim được chế tạo bằng sợi thép y tế không gỉ loại 06 Cr19Ni10 ( SUS 304). Kích thước 0,30*25cm Cán kim được cuốn bằng sợi thép y tế không gỉ, theo tiêu chuẩn FDA các vòng quấn tròn đều và khít, không có khoảng cách		cây	600,000
6	Dao mổ số 10	Chất liệu thép không gỉ		cái	500
7	Dao mổ số 11	Chất liệu thép không gỉ		cái	2,000
8	Dao mổ số 21	Chất liệu thép không gỉ		cái	500
9	Bộ rửa da dây người lớn	Chất liệu cao su thiên nhiên, không gây độc		bộ	100
10	Dây cho ăn 18,16	Ông thông da dây các số 16, 18 Các cỡ 16,18. Dây dẫn được sản xuất từ chất liệu nhựa PVC nguyên sinh. Dài 120cm		sợi	100
11	Dây thở oxy 2 nhánh người lớn	Dùng cho bệnh nhân khó khăn trong hô hấp như khi phế thũng hoặc bệnh lý phổi. Tốc độ dòng chảy cho các ống khoảng 0.5-4 lít mỗi phút. Chiều dài: 2m. Đòng gói riêng biệt, tiết trùng.		sợi	3,000
12	Dây thở oxy 2 nhánh trẻ em	Dùng cho bệnh nhân khó khăn trong hô hấp như khi phế thũng hoặc bệnh lý phổi. Tốc độ dòng chảy cho các ống khoảng 0.5-4 lít mỗi phút. Chiều dài: 2m. Đòng gói riêng biệt, tiết trùng.		sợi	200



**YÊU CẦU KỸ THUẬT TỐI THIỂU**

STT	TÊN HÀNG HÓA	QUY CÁCH	ĐƠN VỊ TÍNH	SỐ LƯỢNG
13	Dây hút dịch các số	Dây dẫn được sản xuất từ chất liệu nhựa PVC nguyên sinh, trắng trong, có hai đầu nối màu xanh. Bề ngoài thân ống dây dẫn có rãnh, chịu được áp suất âm tối đa không bị bóp méo. Tiết trùng	sợi	200
14	Bộ dây truyền dịch	Chất liệu làm bằng PVC y tế Toàn bộ thân dây truyền và buồng nhỏ trong suốt tạo điều kiện dễ dàng quan sát và nhanh chóng điều chỉnh mức độ chảy. Dễ dàng điều chỉnh van xả của chất dịch truyền cho dòng chảy chính xác và không hạn chế. Có chiều dài tiêu chuẩn 180 cm, có phin lọc. Đóng gói và tiết trùng riêng lẻ từng bộ dây, an toàn cho người sử dụng. Có kim sẵn	sợi	30,000
15	Dây truyền máu	Dây truyền máu dài 150 cm. Mũi trọc chai truyền dịch bằng kim loại. Có màng lọc dịch với lỗ lọc 200µm. Có đầu khóa vạn xoắn (luer lock). Bầu đếm giọt thể tích 17 ml	sợi	80
16	Dây hút dịch ổ bụng	Kích thước: 8mm x 2m	sợi	540
17	Ống nội khí quản các số	Chất liệu nhựa PVC không độc hại, trong suốt mềm mại. - Đóng gói riêng lẻ, tiết trùng từng cái. - Size: 2,2,3,3,3,3,4,4,5,5,5,5,6,6,5,7,7,5,8	ống	500
18	Sonde tiêu I nhánh số 14	Thông tiêu I nhánh, chất liệu cao su thiên nhiên phủ silicon. Tiết trùng	sợi	500
19	Sonde tiêu 2 nhánh các số	Chất liệu từ cao su thiên nhiên và được tráng qua silicon. Được đóng gói riêng lẻ, tiết trùng từng cái. Size: 12, 14, 16, 18, 20, 22	sợi	700
20	Túi nước tiểu	Dung tích 2000ml, chất liệu nhựa y tế, có dây để buộc vào giường bệnh, tiết trùng, có bảng ghi thông tin người bệnh..	túi	600
21	Airway nhựa các số	Chất liệu nhựa dẻo tốt, có độ cong tự nhiên theo cổ họng, trơn láng, đủ số.	cái	600
22	Mask phun khí dung người lớn	Được làm từ chất liệu nhựa PVC. Kẹp mũi điều chỉnh được. Mask với 2 dây đeo đàn hồi và ống dài 2m. Size có sẵn: XS, S, M, L, XL. Được đóng gói riêng lẻ trong từng túi.	cái	2,000
23	Mask phun khí dung trẻ em	Được làm từ chất liệu nhựa PVC. Kẹp mũi điều chỉnh được. Mask với 2 dây đeo đàn hồi và ống dài 2m. Size có sẵn: XS, S, M, L, XL. Được đóng gói riêng lẻ trong từng túi.	cái	500
24	Lọc khuẩn 3 chức năng	Phin lọc khuẩn chất liệu nhựa y tế trong suốt, công đo CO2 dạng nghiêng kèm nắp đậy.	cái	200
25	Tạp dè y tế dùng 1 lần	Chất liệu màng PE, kích thước ≥ 110 x 140cm, tiết trùng, từng cái.	cái	1,080
26	Bao camera	Chất liệu: màng nhựa PE, có vòng nhựa xanh dương, kích cỡ: 150mm x 2.5m	cái	800
27	Khẩu trang y tế tiết trùng từng cái	Cấu tạo 4 lớp: 3 lớp vải không dệt và 1 lớp vải vi lọc thấu khí không thấm nước, có dây đeo và thanh nẹp mũi định hình. Sản phẩm đã được tiết trùng.	cái	5,000
28	Nón y tế tiết trùng dùng 1 lần	Chất liệu vải không dệt PP, màu xanh y tế, dây thun đôi.	cái	500
29	Băng thun 3 móc 10cm x 3,5m	Vải băng thun có tính đàn hồi cao, kích thước 10cm x 4,5m, màu trắng vàng hơi ngả hoặc màu xám nhẹ của da người, không mùi không vị	cuộn	1,500
30	Băng bột bó 6 inch	Thạch cao 94%, gạc cotton, thời gian đông kết có thể sử dụng dưới 3-5 phút, bệnh nhân có thể di chuyển sau 30 phút theo tiêu chuẩn FDA. Kích thước: 15cm x 270cm	cuộn	250
31	Băng bột bó 3 inch	Thạch cao 94%, gạc cotton, thời gian đông kết có thể sử dụng dưới 3-5 phút, bệnh nhân có thể di chuyển sau 30 phút, theo tiêu chuẩn FDA. Kích thước: 7.5cm x 270cm	cuộn	500
32	Còn 90 độ	Còn 90 độ	lít	1,200
33	Dây garo	Dùng thắt mạch. Chất liệu thun cotton, có khóa nhựa.	sợi	230
34	Đai xương cẳng tay (nẹp vải)	Nẹp cẳng tay dài các cỡ Chất liệu vải dệt kim, vải có lỗ thoáng khí, vải có lỗ khóa dính (khóa Velcro), nẹp hợp kim nhôm,	cái	300
35	Đai xương đòn số 8	Đai xương đòn các cỡ	cái	50
36	Nẹp gối các cỡ	Chất liệu mút mềm có độ dai. Vải thun/vải lưới.	cái	500
37	Nẹp cổ cổmo các cỡ	Dùng để cố định sử dụng trong chấn thương, các cỡ 20cm, 40cm, 60cm, 120cm	cái	50



**YÊU CẦU KỸ THUẬT TỐI THIỂU**

STT	TÊN HÀNG HÓA		QUY CÁCH	ĐƠN VỊ TÍNH	SỐ LƯỢNG
38	Đè lưới gỗ	Chất liệu gỗ, tron, nhẵn, đóng gói riêng từng cái, tiết trùng		cái	5.000
39	Miếng dán điện cực	Bề mặt kết dính rất chặt chẽ, độ bám dính thích hợp cho da, ngay cả khi da dính tạp chất. Tính dẫn truyền cao. Với sự giúp đỡ của các bề mặt tiếp xúc rộng xúc giữa gel và da, đường truyền dẫn điện không bị ảnh hưởng bởi các tác động bên ngoài.		miếng	3.000
40	Giấy đo điện tim 3 cần	Giấy in kết quả điện tâm đồ kích cỡ: 63mm x 30m		cuộn	800
41	Giấy đo điện tim 6 cần	Giấy đo điện tim 6 cần 110 x 140mm x 200 sheets		xấp	500
42	Hydrogen Peroxide 30%	Hydrogen Peroxide 30%		lít	150
43	Dung dịch sát khuẩn đa 4 %	Nồng độ iodine tự do 4%		500ml chai	20
44	Dung dịch sát khuẩn đa ,5%	Nồng độ iodine tự do 5%		can 5 lít	5
45	Dung dịch sát khuẩn đa 10%	Nồng độ iodine tự do 10%		500ml chai	720
46	Cidex OPA	Thành phần: 0,55% Ortho-phthalaldehyde (CAS 643-79-8), pH: 6.5-8.5 Khử khuẩn mức độ cao trong 5 phút. Dung dịch trong chầu ngâm sử dụng được trong 14 ngày (tăng kèm test thử để kiểm tra hiệu quả dung dịch). Thời gian sử dụng dung dịch trong can đã mở nắp: 75 ngày Thành phần chính: - Benzalkonium chloride: 10% w/w - Didecyl dimethyl ammonium chloride: 5% w/w - N-(3-aminopropyl)-N-dodecylpropane-1,3-diamine: 6% w/w		can/ 5 lít	can 50
47	Dung dịch khử khuẩn dụng cụ			Bình 1 lít	bình 200
48	Dung dịch sát khuẩn tay nhanh	Dung dịch rửa tay sát khuẩn chứa dung dịch Chlorhexidine Gluconate IP 2,5% v/v tương đương với chlorhexidine Gluconate 0,5%		12 chai/ thùng	chai 40
49	Túi ép phòng 250mm x 200m	Màng composite y tế tự sản xuất Giấy vô trùng và dễ xé, không dính, không có bụi giấy để đạt được kết quả tốt hơn; Chỉ báo đổi màu: Chỉ báo thay đổi màu sắc dưới hơi nước chuyển từ xanh lam sang đen và EO chuyển sang từ hồng sang vàng. Kích thước: 250mm x 200m		cuộn	12
50	Băng keo hấp ướt	Băng keo chi thị nhiệt 12,5mm x 50m Thiết kế băng giấy phủ keo dính Acrylic và vạch mực chỉ thị hóa học.		cuộn	10
51	Dao đốt điện	Chất liệu: nhựa TPU y tế được tiết trùng EO Chiều dài dây cáp: ~3m; Chiều dài cán dao: ~150mm, Chiều dài lưỡi dao mổ điện: ~70mm, đường kính: ~2,3mm, Dầu lưỡi dao mổ điện tích hợp bằng thép không gỉ, Tích hợp 2 nút bấm cắt và đốt, Tiêu chuẩn chân cắm: giắc đẹt 3 chân tròn, Thiết kế tay cầm lực giác chống trượt, Dùng 1 lần, đóng gói vô trùng, Tương thích với thiết bị nhiều hãng khác nhau.		cái	360
52	Vòi soda	Dùng để hấp phụ khí CO2 trong máy gây mê.		kg	10
53	Màng lọc đo hô hấp kí	Đường kính trong đầu cắm vào máy: 27,0; 28,0,29,5,30,0, 30,5 mm, Đường kính ngoài đầu cắm vào máy: 30,5,33,0 mm, đường kính ngoài đầu cắm vào bệnh nhân: 29,5mm, Trờ kháng 15 pa tại 30 lít/ phút. Hiệu quả lọc khuẩn:99,99%.		cái	200
54	Koko filter	Đường kính trong đầu cắm vào máy: 45,5mm, Đường kính ngoài đầu cắm vào máy: 48mm, đường kính ngoài đầu cắm vào bệnh nhân: 29,5mm, Trờ kháng 12pa tại 30 lít/ phút. Hiệu quả lọc khuẩn:99,99%.		cái	100



**YÊU CẦU KỸ THUẬT TỐI THIỂU**

STT	TÊN HÀNG HÓA	YÊU CẦU KỸ THUẬT TỐI THIỂU	QUY CÁCH	ĐƠN VỊ TÍNH	SỐ LƯỢNG
55	Gel siêu âm	Hydro ethyl Cellulo 2%; Carbomer 1%; Methyl Paraben 0,2%; Propyl Paraben 0,02%; PEG 400 1%; Glycerin 0,5%; Nước tinh khiết	Bình/5 lít	bình	50
	<b>LÔ 3: PHIM X-QUANG</b>				
1	Phim khô X-Quang kích thước 8 x 10 inch	- Kích thước: 20cm x 25cm hoặc 8 inch x 10 inch - Phim khô kỹ thuật số sử dụng cho máy in TRIMAX-TX55 - Đạt tiêu chuẩn ISO hoặc CE hoặc FDA		tám	25,000
2	Phim khô X-Quang kích thước 14 x 17 inch	- Kích thước: 35cm x 43cm hoặc 14 inch x 17 inch - Phim khô kỹ thuật số sử dụng cho máy in phim AGFA DRY STAR AXYS TYPE 5367/100 - Đạt tiêu chuẩn ISO hoặc CE hoặc FDA.		tám	3,600
	<b>LÔ 4: SINH PHẨM</b>				
1	Anti A	Sinh phẩm dùng xác định nhóm máu A	lọ 10 ml	lọ	18
2	Anti AB	Sinh phẩm dùng xác định nhóm máu AB	lọ 10 ml	lọ	18
3	Anti B	Sinh phẩm dùng xác định nhóm máu B	lọ 10 ml	lọ	18
4	Anti D	Sinh phẩm dùng xác định nhóm máu D	lọ 10 ml	lọ	18
5	Thuốc nhuộm Giemsa	Nhuộm Giemsa được sử dụng chủ yếu trong nhuộm máu và phát tế bào tủy xương. Độ pha loãng khuyến nghị 1:10 hoặc 1:15 trong dung dịch đệm Sorensen phosphatepH 6,5-6,8 Methanol:<50%; Glycerol: <25%; Ethylene Glycol: <25%	500ml/c hai	chai	2
6	Que thử đường huyết cá nhân	Sử dụng cho máy EASYGLUCO - Lượng máu lấy nhỏ 0.5 µl. Cho kết quả nhanh chỉ 5 giây. Đo lượng đường trong máu trong khoảng 20~600mg/dL (1.1 ~ 33,3 mmol/L). - Nhận máu mao mạch, tĩnh mạch và động mạch. - Nhả đầu chịu trách nhiệm đặt máy thử đường huyết.		test	12,000
7	Test Dengue Ag-IgG/IgM	- Phát hiện định tính và phân biệt các kháng thể IgM/IgG chống lại vi rút sốt xuất huyết trong huyết thanh, huyết tương hoặc mẫu máu toàn phần phản người - Độ nhạy tương quan: 97.4 % (đối với Dengue IgM); 97.2% (đối với Dengue IgG) so với ELISA - Độ đặc hiệu tương quan: 96.6% (đối với Dengue IgM); 96.2% (đối với Dengue IgG) so với ELISA - Giới hạn phát hiện 3,9ug/ml với Dengue IgM / IgG - HBV, Chikungunya IgG, Zika IgM, Syphilis Ab, HIV-1, HIV-2, HCV, CMV Ab, vi rút sốt vàng, Japanese encephalitis Ab, Tick borne encephalitis Ab, Epstein Barr IgM, Parvovirus B19 Ab, Varicella Zoster Ab không gây ra phản ứng chéo.		test	500
8	Test nước tiểu 3 thông số	Có bước sóng 525 nm và 635 nm, có thể đọc bằng mắt. Đo các chỉ số : Glucose, pH, Protein (GLU/ pH/ PRO). Dạng que	hộp	test	60,000
9	Test thử ma túy Multi Drug 4 in 1 (Morphine, Amphetamin, Metamphetamin, Marijuana)	Test nhanh xét nghiệm định tính, đồng thời MOP300/AMP1000/MET1000/THC50 trong nước tiểu Độ chính xác> 99,9% Độ lặp lại ≥ 75% chính xác ở mức ± 25% cut-off ;100% chính xác ở mức âm tính và ± 50% cut-off		test	1,000



STT	TÊN HÀNG HÓA	YÊU CẦU KỸ THUẬT TỐI THIỂU	QUY CÁCH	ĐƠN VỊ TÍNH	SỐ LƯỢNG
10	Test thử sốt xuất huyết NS1	<p>Phát hiện các kháng nguyên NS1 của vi rút Dengue trong huyết thanh, huyết tương hoặc mẫu máu toàn phần người</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Độ nhạy tương quan: 92,42% (183/198)</li> <li>- Độ đặc hiệu tương quan: 98,7% (222/225)</li> <li>- Giới hạn phát hiện (Đối với Den-1, 2, 3, 4) là: 3,9 ng/ml</li> </ul> <p>Không xảy ra phản ứng chéo với các chủng sau: Chikungunya vi rút, Zika vi rút, Streptococcus pneumoniae, Streptococcus pyogenes, Legionella pneumophila, Malaria Plasmodium falciparum, Malaria Plasmodium vivax, Influenza A (H1N1), Influenza A (H3N2), Influenza B, E.coli (K99), Salmonella (Typhi), Rotavirus typ I, Rotavirus typ II, Rotavirus typ III, Rotavirus typ IV, mẫu dương tính kháng nguyên HBV, Mẫu dương tính với CMV Ab, mẫu từ người đã tiêm phòng vaccin vi rút sốt vàng, Vi rút viêm não Nhật Bản, vi rút HAV, Rubella vi rút</p>		test	1,000
11	Test thử Troponin I	<p>Test nhanh xác định tình trạng hoại tử cơ tim bằng Troponin I thực hiện trên máu toàn phần, huyết thanh và huyết tương</p> <p>Độ nhạy: 97,6%, độ đặc hiệu 99,4%.</p> <p>Phát hiện định tính kháng nguyên bề mặt virus viêm gan B (HBsAg) có mặt trong huyết thanh, huyết tương hoặc máu toàn phần.</p> <p>Độ nhạy: <math>\geq 99,99\%</math>, độ đặc hiệu: <math>\geq 99,99\%</math> so với CLIA.. Độ chính xác <math>\geq 99,99\%</math></p> <p>Không phản ứng chéo với: Chikungunya, Zika, S.pneumoniae, S.pyogenese, Legionella pneumoniae, Malaria Plasmodium falciparum, Malaria Plasmodium vivax, Influenza A (H1N1, H3N2), Influenza B, E.coli (K99), Salmonella typhi, Rotavirus typ I, II, III, IV</p> <p>Giới hạn phát hiện: phát hiện được HBsAg chủng ADR và chủng AYW từ nồng độ 0.01562 <math>\mu\text{g/ml}</math>, và chủng ADW từ nồng độ 0.03125 <math>\mu\text{g/ml}</math></p>		test	500
12	HBsAg Test nhanh	<p>Phát hiện định tính tất cả các kháng thể đặc hiệu với HIV-1 bao gồm nhóm phụ O và HIV-2 trong mẫu huyết thanh, huyết tương hoặc máu toàn phần mao mạch và tĩnh mạch người.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Độ nhạy: 99,78% với mẫu huyết tương, 99,84% với mẫu huyết thanh, 99,01% với mẫu máu toàn phần tĩnh mạch, 100% với mẫu máu toàn phần mao mạch</li> <li>- Độ đặc hiệu: 100% với mẫu huyết tương và máu toàn phần, 99,92% với mẫu huyết thanh.</li> <li>- Giới hạn phát hiện: Kháng thể kháng HIV-1:1.88 (S/CO) ở độ pha loãng 2<sup>~</sup>12, kháng thể kháng HIV-2:102.6 S/CO ở độ pha loãng 2<sup>~</sup>10, kháng thể kháng HIV-1 nhóm phụ O: 154.S/CO ở độ pha loãng 2<sup>~</sup>7</li> </ul> <p>Hộp 20 giếng rời được dùng để phát hiện nhanh H. pylori có trong bệnh phẩm hoặc trên môi trường nuôi cấy</p>		test	2,000
13	HIV test nhanh	<p>Phát hiện định tính tất cả các kháng thể đặc hiệu với HIV-1 bao gồm nhóm phụ O và HIV-2 trong mẫu huyết thanh, huyết tương hoặc máu toàn phần mao mạch và tĩnh mạch người.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Độ nhạy: 99,78% với mẫu huyết tương, 99,84% với mẫu huyết thanh, 99,01% với mẫu máu toàn phần tĩnh mạch, 100% với mẫu máu toàn phần mao mạch</li> <li>- Độ đặc hiệu: 100% với mẫu huyết tương và máu toàn phần, 99,92% với mẫu huyết thanh.</li> <li>- Giới hạn phát hiện: Kháng thể kháng HIV-1:1.88 (S/CO) ở độ pha loãng 2<sup>~</sup>12, kháng thể kháng HIV-2:102.6 S/CO ở độ pha loãng 2<sup>~</sup>10, kháng thể kháng HIV-1 nhóm phụ O: 154.S/CO ở độ pha loãng 2<sup>~</sup>7</li> </ul> <p>Hộp 20 giếng rời được dùng để phát hiện nhanh H. pylori có trong bệnh phẩm hoặc trên môi trường nuôi cấy</p>		test	500
14	Clotest	Hộp 20 giếng rời được dùng để phát hiện nhanh H. pylori có trong bệnh phẩm hoặc trên môi trường nuôi cấy		test	20
<b>LỘ 5: VẬT TƯ TIÊU HAO XÉT NGHIỆM</b>					
1	Carbol Fuchsin 0,3%	Thành phần của thuốc nhuộm Ziehl Neelsen	Chai	chai	24
2	Cốc nhựa đựng đờm	Lọ nhựa PP trắng trong, dung tích 100ml, nắp nhựa màu trắng	1 cái	cái	5,760
3	Cồn Axit HCL 3%	Thành phần của thuốc nhuộm Ziehl Neelsen	Chai	chai	24
4	Dầu soi kính	Tăng độ phân giải của ảnh. Chai 100ml	100ml/lọ	lọ	3
5	Đầu col vàng, có khía 200ul	Chất liệu: Nhựa PP. Kích thước: 0-200ul		cái	40,000
6	Đầu col xanh, có khía 1000ul	Chất liệu: Nhựa PP. Kích thước: 0-1000ul		cái	20,000



**YÊU CẦU KỸ THUẬT TỐI THIỂU**

STT	TÊN HÀNG HÓA	QUY CÁCH	ĐƠN VỊ TÍNH	SỐ LƯỢNG
7	Formol	Formaldehyde	chai	2
8	Giấy in nhiệt máy đông máu 25cm	Kích thước 57mm x 25mm	cuộn	50
9	Giấy lọc	Giấy lọc định tính 600x600mm, TB 102, sản xuất từ cellulose độ tinh khiết cao và thực hiện nhất quán.	1 tờ	32
10	Giấy thấm đầu lao kính hiển vi	Dùng để lau kính hiển vi	100	1,600
11	Hộp đựng vật sắc nhọn 1,5 lít	Bảng nhựa HDPE, màu vàng, nắp đỏ	hộp	100
12	Lam kính trơn	Lam trơn 7102, kích thước ≥25,4 x 76,2 mm, dày 1-1,2 mm. Hộp/72cái.	cái	6,480
13	Lam kính đầu nhám	Đầu nhám 7105, Độ dày: 1.0 - 1.2mm. Kích thước: 25.4 x 76.2mm (1" x 3"). Vật liệu cấu thành: kính.	cái	5,760
14	Lamen kính	Kích thước: 22mmx22mm	hộp	10
15	Lancet	Được sản xuất từ thép Carbon, đầu mũi kim được vát nhọn với công nghệ sản xuất hiện đại. Tiết trùng từng cây	200 cái/hộp	8,000
16	Ống EDTA 2ml	*Ống nghiệm nhựa PP, kích thước Ø13 x 75 nắp nhựa màu xanh dương. * Bên trong chứa chất kháng đông Ethylenediaminetetraacetic Acid Dipotassium Salt Dihydrate (EDTA K2) có vạch chỉ thể tích trên nhãn ống. * Sau khi quay ly tâm với gia tốc tối đa 6.000 vòng / phút trong thời gian 5-10 phút, ống không bị nứt, vỡ, văng nắp, rò rỉ.	ống	100,000
17	Ống nghiệm EDTA K2 7.2 mg nắp cao su	Ống nghiệm nhựa PP, kích thước Ø13 x 75 (mm), nắp cao su bọc nhựa màu xanh dương. * Bên trong chứa chất kháng đông Ethylenediaminetetraacetic Acid Dipotassium Salt Dihydrate (EDTA K2) có vạch chỉ thể tích trên nhãn ống. * Sau khi quay ly tâm với gia tốc tối đa 6.000 vòng / phút trong thời gian 5-10 phút, ống không bị nứt, vỡ, văng nắp, rò rỉ.	ống	100,000
18	Ống Falcon	Ống thiết kế có nắp vận màu xanh, đáy nhọn, in sẵn định lượng. Chất liệu: Nắp PE, ống bằng nhựa PP. Kích thước: 50ml.	1 ống	3,200
19	Ống Heparin 2ml	Ống nghiệm nhựa PP, kích thước Ø13 x 75 (mm), dung tích tối đa 6 ml, nắp nhựa màu đen. Bên trong chứa chất kháng đông Lithium Heparin, có vạch chỉ thể tích trên nhãn ống. *Sau khi quay ly tâm với gia tốc tối đa 6.000 vòng / phút trong thời gian 5-10 phút, ống không bị nứt, vỡ, văng nắp, rò rỉ.	ống	100,000
20	Ống mao dẫn Hematocrit	Ống haematokrit có thể được thực hiện đơn lẻ bằng cách chích máu ở đầu ngón tay hoặc rút 1 ống máu ở cánh tay. Trong trường hợp rút máu ở cánh tay thì cho máu vào ống nghiệm rồi đem ly tâm, sau đó tiến hành đo tỷ lệ phần thể tích hồng cầu lắng dưới đáy ống nghiệm. D: 75mm/ V: 75ul	ống	200
21	Ống nghiệm Citrate 2ml	Ống nghiệm nhựa PP, kích thước Ø13 x 75 (mm), nắp nhựa màu xanh lá. Bên trong chứa chất kháng đông Trisodium Citrate Dihydrate 3.8%, có vạch chỉ thể tích trên nhãn ống. Sau khi quay ly tâm với gia tốc tối đa 6.000 vòng / phút trong thời gian 5-10 phút, ống không bị nứt, vỡ, văng nắp, rò rỉ.	ống	2,000
22	Ống nghiệm Chimily 2ml	Ống nghiệm nhựa PP, kích thước Ø13 x 75 (mm) dung tích tối đa 6 ml, nắp nhựa màu xám. Bên trong chứa chất kháng đông Sodium Flouride( NaF) và EDTA K2, có vạch chỉ thể tích trên nhãn ống. *Sau khi quay ly tâm với gia tốc tối đa 6.000 vòng / phút trong thời gian 5-10 phút, ống không bị nứt, vỡ, văng nắp, rò rỉ.	ống	4,800



STT	TÊN HÀNG HÓA	YÊU CẦU KỸ THUẬT TỐI THIỂU	QUY CÁCH	ĐƠN VỊ TÍNH	SỐ LƯỢNG
23	Ống nghiệm lưu mẫu huyết thanh 1.5ml nắp trắng	Ống nghiệm nhựa PP, độ pH trung tính. Thể tích 1.5 ml, thân ống có chia vạch chi thể tích.		ống	1,000
24	Ống nghiệm trắng có nắp	Ống nghiệm nhựa PS 5ml, không nhãn, trong suốt, kích thước 13 x 75mm, nắp nhựa màu trắng, không nhãn, dung tích tối đa 6 ± 0.1ml		ống	5,000
25	Ống Serum 2ml	Ống nghiệm nhựa PP, kích thước Ø13 x 75 (mm) nắp nhựa màu đỏ. Bên trong chứa hạt nhựa PS (Polystyrene), giúp tiến trình đông máu diễn tiến nhanh chỉ từ 3 - 5 phút, có vạch chi thể tích trên thân ống. Sau khi quay ly tâm với gia tốc tối đa 6.000 vòng / phút trong thời gian 5-10 phút, ống không bị nứt, vỡ, văng nắp, rò rỉ.		ống	10,000
26	Que lấy mẫu bệnh phẩm (huyết trắng)	Thân que bằng gỗ, 1 đầu tròn, tiết trùng từng cây, dài 16cm, tiết trùng và đông gói riêng từng que trong ống nhựa có nắp		que	1,000
<b>Lô 6: VẬT TƯ HOÁ CHẤT XÉT NGHIỆM ĐÔNG MÁU MÁY START 4</b>					
1	Chất thử chẩn đoán đông máu ngoại sinh PT (Prothrombin Time)	DÙNG CHO MÁY XÉT NGHIỆM ĐÔNG MÁU STRART 4		ml	480
2	Hóa chất xét nghiệm đông máu APTT	DÙNG CHO MÁY XÉT NGHIỆM ĐÔNG MÁU STRART 4		ml	480
3	Calcium Chloride	DÙNG CHO MÁY XÉT NGHIỆM ĐÔNG MÁU STRART 4		ml	240
4	Dung dịch rửa máy Clean Solution	DÙNG CHO MÁY XÉT NGHIỆM ĐÔNG MÁU STRART 4		ml	100
5	Cuvettes	DÙNG CHO MÁY XÉT NGHIỆM ĐÔNG MÁU STRART 4		cái	8,000
6	Bi đo đông máu	DÙNG CHO MÁY XÉT NGHIỆM ĐÔNG MÁU STRART 4		lọ	4
7	Chất chuẩn cho xét nghiệm đông máu PT (Prothrombin Time)	DÙNG CHO MÁY XÉT NGHIỆM ĐÔNG MÁU STRART 4		ml	120
8	Control Plasma Level 1 Normal Values	DÙNG CHO MÁY XÉT NGHIỆM ĐÔNG MÁU STRART 4		ml	120
9	Control Plasma Level 2 Pathological Low Values	DÙNG CHO MÁY XÉT NGHIỆM ĐÔNG MÁU STRART 4		ml	120
<b>Lô 7: VẬT TƯ - HOÁ CHẤT XÉT NGHIỆM SINH HOÁ MÁY KENZA 450TX</b>					
1	Hóa chất xét nghiệm định lượng GLUCOSE	Máy sinh hóa đo nồng độ Glucose trong huyết tương và huyết thanh. Giới hạn phát hiện: Khoảng 2 mg/dL. Độ nhạy phân tích: khoảng 0.060 abs/phút cho 10 mg/dL.		ml	64,800
2	Hóa chất xét nghiệm định lượng UREA/BUN-UV	Máy sinh hóa đo nồng độ Urea trong huyết thanh hoặc huyết tương. Giới hạn phát hiện: khoảng 1.7 mg/dL. Độ nhạy phân tích: khoảng 0.0012 abs/phút cho 1 mg/dL.		ml	48,600
3	Hóa chất xét nghiệm định lượng CREATININ	Máy sinh hóa đo nồng độ Creatinine trong huyết tương, huyết thanh. Giới hạn phát hiện: 4.4 µmol/L (0.05 mg/dL). Độ nhạy tính toán: khoảng 0.018 abs/120 giây cho 1 mg/dL (88.5 µmol/L).		ml	48,600
4	Hóa chất xét nghiệm định lượng AST/GOT/ASPARTATE AMINOTRANSFERASE	Máy sinh hóa đo nồng độ AST trong huyết tương và huyết thanh người. Giới hạn phát hiện: khoảng 1.3 IU/L. Độ nhạy phân tích: khoảng 0.0063 abs/phút cho 10 IU/L.		ml	48,600
5	Hóa chất xét nghiệm định lượng ALT/GPT /ALANINE AMINOTRANSFERASE	Máy sinh hóa đo nồng độ ALT trong huyết tương hay huyết thanh người. Giới hạn phát hiện: khoảng 1.3 IU/L. Độ nhạy phân tích: khoảng 0.010 ΔAbs/phút cho 17 IU/L.		ml	48,600



**YÊU CẦU KỸ THUẬT TỐI THIỂU**

STT	TÊN HÀNG HÓA	YÊU CẦU KỸ THUẬT TỐI THIỂU	QUY CÁCH	ĐƠN VỊ TÍNH	SỐ LƯỢNG
6	Hóa chất xét nghiệm định lượng GGT/Gamma-GT/Gamma-Glutamyltransferase	Máy sinh hóa đo nồng độ Gamma GT trong huyết tương và huyết thanh con người. Giới hạn phát hiện: khoảng 1 IU/L. Độ nhạy cho 10 IU/L: khoảng 0.010 ΔAbs/phút.		ml	4,500
7	Hóa chất xét nghiệm định lượng CHOLESTEROL	Máy sinh hóa đo nồng độ Cholesterol toàn phần trong huyết tương và huyết thanh người. Giới hạn phát hiện: khoảng 2 mg/dL. Độ nhạy phân tích: khoảng 0.3246 abs cho 100 mg/dL.		ml	16,200
8	Hóa chất xét nghiệm định lượng TRIGLYCERID	Máy sinh hóa đo nồng độ Triglycerides trong huyết thanh hoặc huyết tương. Giới hạn phát hiện: khoảng 6 mg/dL. Độ nhạy phân tích: khoảng 0.00018 abs cho 1 mg/dL.		ml	16,200
9	Hóa chất xét nghiệm định lượng HDL/Cholesterol Direct	Đo nồng độ HDL-Cholesterol trong huyết tương hoặc huyết thanh. Giới hạn phát hiện: khoảng 0.3 mg/dL. Độ nhạy phân tích: khoảng 0.012 abs cho 10 mg/dL.		ml	6,750
10	Hóa chất xét nghiệm định lượng LDL/Cholesterol Direct	Đo nồng độ LDL-Cholesterol trong huyết tương hoặc huyết thanh. Giới hạn phát hiện: khoảng 7 mg/dL. Độ nhạy cho 100 mg/dL: 0.212 Abs tại bước sóng 546 nm.		ml	6,750
11	Hóa chất xét nghiệm định lượng ALBUMIN	Đo nồng độ Albumin trong huyết tương và huyết thanh. Giới hạn phát hiện: khoảng 0.01 g/dL. Độ nhạy phân tích: khoảng 0.0125 abs cho 0.1g/dL.		ml	4,500
12	Hóa chất xét nghiệm định lượng alpha-AMYLASE - DIRECT	Đo nồng độ α-amylase trong huyết tương, huyết thanh người. Giới hạn phát hiện: khoảng 3 IU/L. Độ nhạy phân tích: khoảng 0.003 Abs/phút cho 10 IU/L tại bước sóng 405nm.		ml	4,320
13	Hóa chất xét nghiệm định lượng BILIRUBIN (DIRECT)	Đo nồng độ Bilirubin trực tiếp trong huyết tương và huyết thanh. Giới hạn phát hiện: khoảng 0.01 mg/dL. Độ nhạy tính toán cho 1 mg/dL: khoảng 0.0819 abs.		ml	8,100
14	Hóa chất xét nghiệm định lượng BILIRUBIN (TOTAL)	Đo nồng độ Bilirubin toàn phần trong huyết tương và huyết thanh. Giới hạn phát hiện: khoảng 0.28 mg/dL. Độ nhạy tính toán cho 1 mg/dL: khoảng 0.0853 abs		ml	8,100
15	Hóa chất xét nghiệm định lượng PROTEIN (TOTAL)	Đo nồng độ Protein toàn phần trong huyết tương và huyết thanh. Giới hạn phát hiện: khoảng 0.01 g/dL. Độ nhạy phân tích: khoảng 0.057 abs (1 g/dL).		ml	1,920
16	Hóa chất xét nghiệm định lượng ETHANOL/ ALCOL/Ethanol	Đo nồng độ cồn trong huyết tương, huyết thanh, máu toàn phần hoặc nước tiểu người. Dải tuyến tính lên đến 300 mg/dL (65 mmol/L). Giới hạn phát hiện: khoảng 10 mg/dL. Độ nhạy cho 100 mg/dL: Khoảng 0.430 Abs. tại 340 nm.		ml	1,458
17	Hóa chất xét nghiệm định lượng Uric Acid	Đo nồng độ acid uric trong huyết tương, huyết thanh. Giới hạn phát hiện: khoảng 0.36 mg/dL. Độ nhạy tính toán (505 nm): khoảng 0.0451 Abs cho 1 mg/dL.		ml	9,000
18	Hóa chất xét nghiệm định lượng Calcium Toàn phần	Đo nồng độ calcium trong huyết tương và huyết thanh. Giới hạn phát hiện: khoảng 0.01 mg/dL. Độ nhạy tính toán: khoảng 0.054 abs cho 1 mg/dL.		ml	3,000



STT	TÊN HÀNG HÓA	YÊU CẦU KỸ THUẬT TỐI THIỂU	QUY CÁCH	ĐƠN VỊ TÍNH	SỐ LƯỢNG
19	Hóa chất xét nghiệm định lượng C-REACTIVE PROTEIN (CRP)	Đo nồng độ CRP trong huyết thanh. Dải tuyến tính: từ 0.4 mg/dL đến 24.8 mg/dL. Giới hạn phát hiện: khoảng 0.26 mg/dL.		ml	4,500
20	Hóa chất xét nghiệm định lượng C-REACTIVE PROTEIN hs (CRP-hs)	Mục đích sử dụng: xác định định lượng C-Reactive Protein ở huyết thanh người. Khoảng đo: 0.013 – 14 mg/dL.		ml	1,800
21	Hóa chất xét nghiệm định lượng Creatin Kinase-MB (CK-MB)	Đo nồng độ isoenzyme CK-MB của creatine kinase trong huyết thanh người. Dải tuyến tính: từ 1 đến 800 IU/L Giới hạn phát hiện: khoảng 3 IU/L		ml	3,000
22	Hóa chất xét nghiệm định lượng CREATINE KINASE (CK)	Đo nồng độ creatine kinase trong huyết thanh người. Giới hạn phát hiện: khoảng 4 IU/L Độ nhạy phân tích: khoảng 0.0035 abs/phút cho 10 IU/L.		ml	150
23	Hóa chất xét nghiệm định lượng SẮT HUYẾT THANH	Đo nồng độ sắt trong huyết tương, huyết thanh. Giới hạn phát hiện: khoảng 2.7 µg/dL (0.49 µmol/L). Độ nhạy phân tích: khoảng 0.0084 abs cho 10 µg/dL.		ml	2,250
24	Hóa chất xét nghiệm định lượng Ferritin	Mục đích sử dụng: xác định định lượng Ferritin ở huyết thanh. Dải tuyến tính: từ 0 - 500 ng/mL.		ml	2,250
25	HDL/LDL Cholesterol direct/ CK-MB calibrator			ml	48
26	HDL/LDL Cholesterol direct/CK-MB control			ml	96
27	Hóa chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm Ammonia, Ethanol và CO2			ml	120
28	Hóa chất kiểm chuẩn mức 2 cho xét nghiệm Ammonia, Ethanol và CO2	Kiểm chuẩn mức cao: ammonia, ethanol, CO2		ml	120
29	Hóa chất kiểm chuẩn mức 1 cho xét nghiệm Ammonia, Ethanol và CO2	Kiểm chuẩn mức thấp: ammonia, ethanol, CO2		ml	120
30	Dung dịch rửa máy	Dạng dung dịch, thành phần: Sulfuric acid 0.075%		ml	3,000
31	Chất chuẩn cho các xét nghiệm sinh hóa thường quy	Dạng bột đông khô		ml	100
32	Chất kiểm chuẩn cho các xét nghiệm sinh hóa thường quy mức 1	Dạng bột đông khô		ml	100
33	Chất kiểm chuẩn cho các xét nghiệm sinh hóa thường quy mức 2	Dạng bột đông khô		ml	100
34	Dung dịch rửa bazo	Dạng dung dịch, thành phần: Sodium Hypochlorite 1.5%		ml	12,000
35	Chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm CRP	Dạng bột đông khô gồm các mức nồng độ khác nhau		ml	30
36	Chất kiểm chuẩn cho xét nghiệm CRP	Dạng bột đông khô gồm 2 mức nồng độ khác nhau		ml	24
37	Chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm CRP-hs	Dạng bột đông khô		ml	12
38	Chất kiểm chuẩn cho xét nghiệm CRP-hs	Dạng bột đông khô		ml	12
39	Chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm FERRITIN	Dạng bột đông khô		ml	12



STT	TÊN HÀNG HÓA	YÊU CẦU KỸ THUẬT TÓI THIỂU		ĐƠN VỊ TÍNH	SỐ LƯỢNG
40	Chất kiểm chứng cho xét nghiệm FERRITIN	Dạng bột đồng khô: 2 mức nồng độ		ml	24
41	Bộ phận phản ứng	1 bộ cuvettes nhựa gồm 50 cái		bộ	3
42	Giếng đựng mẫu	1 túi gồm 1000 cái, Sample cup		cái	7,500
43	Bóng đèn máy sinh hóa	Bóng halogen 6v 20w		cái	3
<b>Lô 8: VẬT TƯ - HÓA CHẤT XÉT NGHIỆM HUYẾT HỌC MÁY NORMA I3LAB</b>					
Thẻ tích hoá chất 1 pack 6400 ml cho 1200 tests Thành phần bao gồm: - Dung dịch pha loãng (iDiI2): Sodium Chloride < 1.6 %; Chất đệm < 1.1 %; Chất ổn định < 1 %; Chất bảo quản < 0.7 % - Dung dịch ly giải (iLyse2): Sodium Chloride < 2 %; Chất đệm < 1 %; Chất ổn định < 0.5 %; Chất bảo quản < 0.5 %; - Chất hoạt hoá bề mặt < 3 % Thân thiện với môi trường, không chứa azide, không chứa các thành phần độc hại. Tiêu chuẩn: ISO 13485					
1	Thuốc thử xét nghiệm định lượng 22 thông số huyết học	Sử dụng trong kiểm chuẩn xét nghiệm huyết học mức thường		ml	691,200
2	Vật liệu kiểm soát xét nghiệm huyết học 3 thành phần mức thường	Bảo quản: 2 - 8 độ C, ổn định 14 ngày khi mở ống Quy cách: Ống / 2,5 ml Tiêu chuẩn: ISO 13485		ml	45
3	Vật liệu kiểm soát xét nghiệm huyết học 3 thành phần mức thấp	Sử dụng trong kiểm chuẩn xét nghiệm huyết học mức thấp Bảo quản: 2 - 8 độ C, ổn định 14 ngày khi mở ống Quy cách: Ống / 2,5 ml Tiêu chuẩn: ISO 13485		ml	45
4	Vật liệu kiểm soát xét nghiệm huyết học 3 thành phần mức cao	Sử dụng trong kiểm chuẩn xét nghiệm huyết học mức cao Bảo quản: 2 - 8 độ C, ổn định 14 ngày khi mở ống Quy cách: Ống / 2,5 ml Tiêu chuẩn: ISO 13485		ml	45
5	Vật liệu hiệu chuẩn cho xét nghiệm huyết học	Sử dụng trong kiểm chuẩn xét nghiệm huyết học mức thường Bảo quản: 2 - 8 độ C, ổn định 5 ngày khi mở ống Quy cách: Ống / 2,5 ml Tiêu chuẩn: ISO 13485		ml	45
6	Dung dịch vệ sinh đậm đặc dùng cho máy phân tích huyết học	Dung dịch hypochlorite ổn định và vi lọc để làm sạch oxy hóa chuyên sâu, trắng và rửa các mao mạch, ống và buồng của máy phân tích huyết học Thành phần: Chất tẩy rửa: < 1.0 %; Natri hypochlorit: < 5.0 %; Chất ổn định: < 0.4 %; Natri hydroxit: < 1.0 %		ml	750
<b>Tổng Cộng: ( Lô 1 + Lô 2 + Lô 3 + Lô 4 + Lô 5 + Lô 6 + Lô 7 + Lô 8 ): 188 mặt hàng</b>					

Ghi chú: Các đơn vị cung cấp báo giá có thể báo giá một hoặc nhiều lô hàng hóa.